TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 04/7/2018

V/v: Tranh chấp con cái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tính
2. Ông Phạm Văn Tần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C

Ngày 04 tháng 07 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 60/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: anh Bùi Văn Ng– sinh ngày 12/6/1979

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: Chị Phạm thị Q – sinh ngày 20/5/1980

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnhThanh Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2018, bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Bùi Văn Ng trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Q chung sống với nhau từ tháng 6 năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên từ năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn chị Q

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu Bùi Thị Thanh T,sinh ngày 27/12/1998 và cháu Bùi Thị Lan A, sinh 15/01/2002. Cháu T đã trưởng thành ở với ai là tùy cháu, còn cháu Lan A có nguyện vọng ở mẹ, anh nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị Q là 1.500.000đ/01 tháng

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2018, bị đơn chị Phạm Thị Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị thống nhất như lời trình bày của anh Ng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 6/3/2008. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn.

Về con cái: chị thống nhất như anh Ng trình bày là vợ chồng có 2 con chung. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Bùi Thị Lan A và anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung với chị 01 tháng là 1.500.000đ/01 tháng, còn cháu Bùi Thị Thanh T đã trưởng thành ở với ai tùy cháu

Về tài sản: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết

Theo bản tự khai ngày 16/4/2018 cháu Bùi Thị Lan A – sinh ngày 15/01/2002 trình bày: Hiện nay cháu đang sống cùng bố mẹ tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện VKSND huyện C tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các yêu cầu của Thẩm phán và chấp hành tốt các các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập đã được Hội đồng xét xử xem xét. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C nhận thấy anh Bùi Văn Ng và chị Phạm Thị Q chung sống với nhau từ năm 1998 không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận là vợ chồng, về con cái công nhận anh Ng và chị Q có 02 con chung, hai bên đã thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Ngvà chị Phạm thị Q chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, nhưng chưa đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2008 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Ng làm đơn xin ly hôn. Căn cứ điểm b Nghị quyết số

35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của anh Bùi Văn Ng và chị Phạm thị Q là vi phạm Luật hôn nhân gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận anh Bùi Văn Ng và chị Phạm Thị Q là vợ chồng

[3] Về con cái: Hai bên thống nhất có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 27/12/1998 và cháu Bùi Thị Lan A,sinh ngày 15/01/2002, cháu T đã thành niên ở với ai là tùy cháu, hai bên thống nhất giao cho chị Qtrực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A đến tuổi thành, anh Ng cấp dưỡng nuôi con chng với chị Q là 1.500.000đ/ 01 tháng. Xét việc thỏa thuận của các bên và nguyện vọng của cháu Lan A là chính đáng, nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh Ng và chị Q

[4] Về tài sản: anh Bùi Văn Ng và chị Phạm Thị Q thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: anh Bùi Văn Ng phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; Điều 16 và Điều 53; Điều 81. Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 điều 147, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Văn Ng và chị Phạm Thị Q là vợ chồng

2. Về con chung: Công nhận anh Ng và chị Q có 02 con chung, cháu Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 27/12/1998 và cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 15/01/2002. Hai bên thỏa thuận cháu T đã thành niên cháu ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu, còn cháu Bùi Thị Lan A hai bên thống nhất giao cháu Bùi Thị Lan A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung với chị Q là 1.500.000đ/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 trở đi theo định kỳ hàng tháng.

Anh Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Anh Bùi Văn Ng phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003640 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Như vậy anh Ng còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Anh Bùi Văn Ng, chị Phạm Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện C;
-TAND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện C
- UBND xã C;
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh